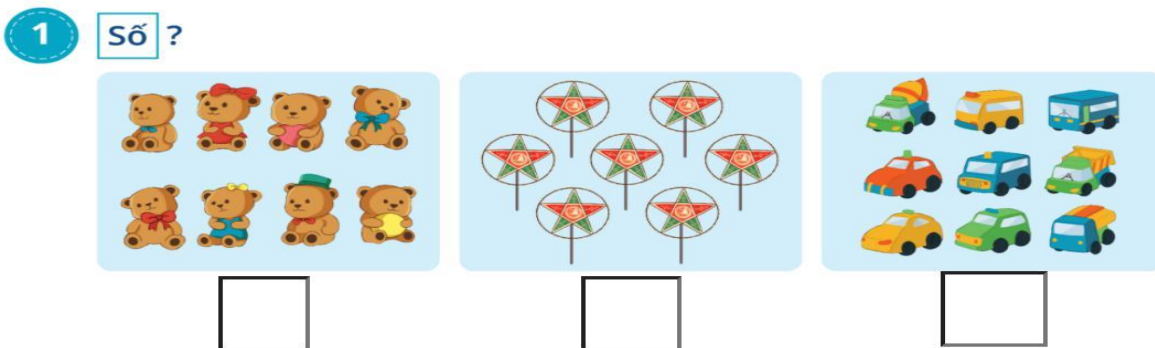
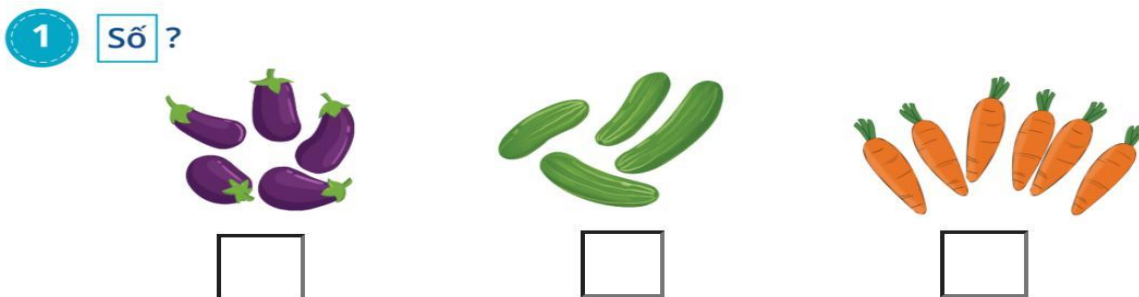
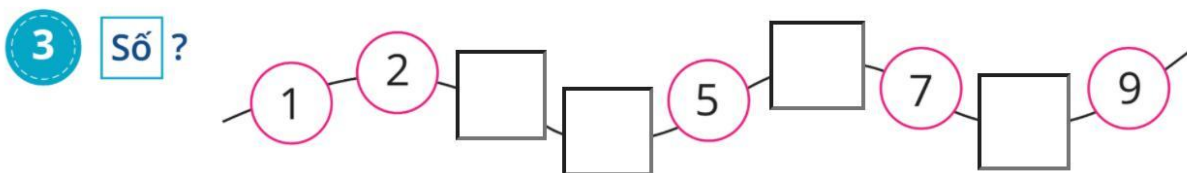


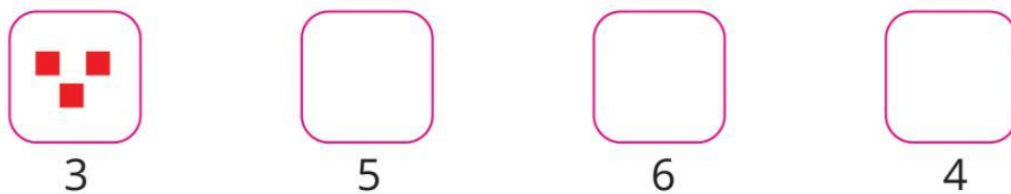
Đề cương ôn tập học kì 1 môn Toán lớp 1 năm 2024 - 2025

SỐ HỌC

MỨC 1: Nhận biết:



2 Lấy số hình phù hợp (theo mẫu):



1 a) Số ?



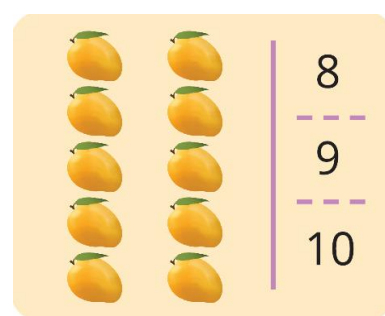
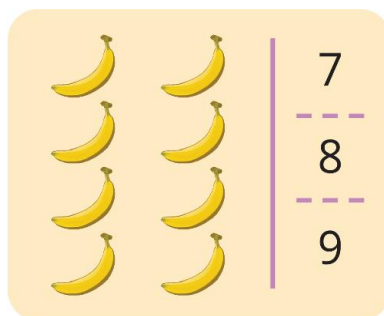
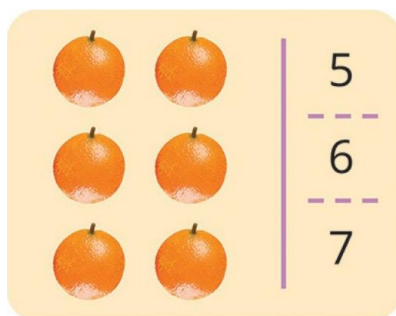




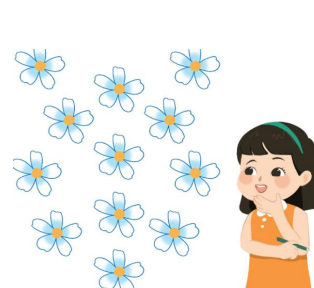
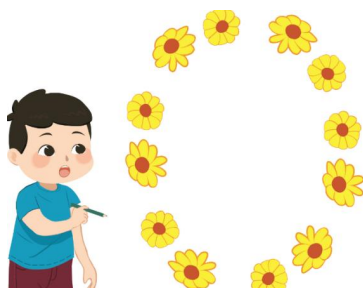
3 Số ?

	1			4		6		8		10
10		8		6			3			0

Khoanh tròn vào số thích hợp



Đếm và khoanh tròn vào 10 bông hoa ở mỗi hình



Số?







Vẽ số chấm tròn cho phù hợp:

5

9

10

3

Số?

6		8
---	--	---

7		9
---	--	---

3		5
---	--	---

1		3
---	--	---

Tính:

$2 + 5 =$	$1 + 7 =$	$5 + 4 =$	$8 + 1 =$	$9 + 1 =$	$10 + 0 =$	$4 + 5 =$
$3 + 6 =$	$5 + 3 =$	$3 + 3 =$	$4 + 4 =$	$7 + 2 =$	$6 + 4 =$	$0 + 7 =$
$6 + 2 =$	$3 + 4 =$	$8 + 2 =$	$6 + 1 =$	$8 + 0 =$	$5 + 5 =$	$2 + 3 =$
$3 + 7 =$	$4 + 2 =$	$3 + 5 =$	$2 + 2 =$	$5 + 2 =$	$4 + 3 =$	$5 + 2 =$

Tính:

$10 - 3 =$	$9 - 5 =$	$6 - 4 =$	$7 - 0 =$	$5 - 1 =$	$9 - 3 =$	$6 - 2 =$	$4 - 4 =$
$7 - 4 =$	$6 - 3 =$	$8 - 2 =$	$10 - 6 =$	$6 - 1 =$	$7 - 3 =$	$10 - 5 =$	$6 - 6 =$
$8 - 6 =$	$9 - 4 =$	$5 - 2 =$	$8 - 5 =$	$9 - 2 =$	$10 - 0 =$	$6 - 4 =$	

$$5 - 3 = \quad 7 - 5 = \quad 10 - 4 = \quad 4 - 3 = \quad 7 - 2 = \quad 8 - 8 = \quad 9 - 5 =$$

Điền dấu >, <, =

$$3 \dots 6 \quad 7 \dots 5 \quad 4 \dots 0 \quad 10 \dots 0 \quad 9 \dots 6 \quad 7 \dots 9 \quad 6 \dots 8$$

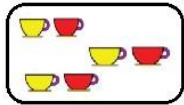
$$3 \dots 3 \quad 4 \dots 8 \quad 9 \dots 3 \quad 7 \dots 4 \quad 6 \dots 0 \quad 0 \dots 1 \quad 6 \dots 9$$

$$5 \dots 4 \quad 6 \dots 3 \quad 10 \dots 9 \quad 9 \dots 6 \quad 5 \dots 5 \quad 4 \dots 6 \quad 8 \dots 3$$

$$0 \dots 10 \quad 8 \dots 2 \quad 1 \dots 10 \quad 7 \dots 7 \quad 6 \dots 5 \quad 9 \dots 8 \quad 10 \dots 4$$

$$9 \dots 5 \quad 4 \dots 4 \quad 2 \dots 0 \quad 9 \dots 5 \quad 7 \dots 10 \quad 8 \dots 5 \quad 3 \dots 7$$

Đếm và nối với số thích hợp



1

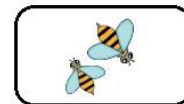
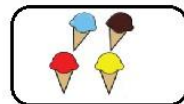
7

6

2

4

9



MỨC 2: THÔNG HIỂU

Bài 1: Tính:

$$8 - 3 - 2 =$$

$$9 - 5 + 4 =$$

$$7 + 3 - 0 =$$

$$5 - 5 + 3 =$$

$$4 + 2 + 1 =$$

$$3 + 4 - 2 =$$

$$6 + 2 + 2 =$$

$$4 + 6 - 6 =$$

Bài 2: Nối phép tính với kết quả đúng:

	$2 + 2$	$1 + 6$	
$\textcircled{3}$	$1 + 0$	$9 - 1$	$\textcircled{7}$
$\textcircled{2}$	$7 - 5$	$10 - 5$	$\textcircled{6}$
$\textcircled{4}$	$1 + 2$	$4 + 2$	$\textcircled{5}$

Bài 3: Tính

$5 + 3 - 4 =$	$9 - 4 - 3 =$	$6 - 3 + 1 =$	$9 + 0 - 6 =$
$10 + 0 - 5 =$	$8 - 4 + 3 =$	$7 - 4 - 3 =$	$3 + 2 + 4 =$

Bài 4: Nối

$3 + 6$	$3 - 0$	$4 - 3 + 5$
$\textcircled{6}$	$\textcircled{9}$	$\textcircled{3}$
$6 - 3$	$6 + 0$	$4 + 5 - 0$

Bài 5: Viết các số 6, 4, 1, 9 theo thứ tự

- a) Từ bé đến lớn:.....
 b) Từ lớn đến bé:.....

Bài 6: Viết các số 5, 3, 9, 8 theo thứ tự

- a) Từ bé đến lớn:.....
 b) Từ lớn đến bé:.....

Bài 7: Viết các số 7, 10, 1, 5 theo thứ tự

a) Từ bé đến lớn:.....

b) Từ lớn đến bé:.....

Bài 8:Viết các số 2, 8, 3, 6 theo thứ tự

a) Từ bé đến lớn:.....

b) Từ lớn đến bé:.....

Bài 9: Viết các số 5,2 , 6, 9 theo thứ tự

a) Từ bé đến lớn:.....

b) Từ lớn đến bé:.....

Bài 10:Viết các số 7, 0, 10, 3 theo thứ tự

a) Từ bé đến lớn:.....

b) Từ lớn đến bé:.....

Bài 11: Viết các số 10, 4, 6, 9 theo thứ tự

a) Từ bé đến lớn:.....

b) Từ lớn đến bé:.....

MỨC 3: VẬN DỤNG

Bài1/Viết dấu +, - vào mỗi hình tròn để có các phép tính đúng:

$5 \bigcirc 1 = 6$

$9 \bigcirc 1 = 8$

$3 \bigcirc 1 = 4$

$6 \bigcirc 3 = 9$

$6 \bigcirc 2 = 4$

$5 \bigcirc 1 = 4$

$3 \bigcirc 1 = 2$

$8 \bigcirc 4 = 4$

$3 \bigcirc 3 = 6$

$3 \bigcirc 2 = 5$

$8 \bigcirc 1 = 7$

$2 \bigcirc 2 = 0$

$5 \bigcirc 5 = 0$

$4 \bigcirc 3 = 1$

$6 \bigcirc 2 = 8$

$4 \bigcirc 6 = 10$

Bài 2: >, <, =?

$5 \dots 4 + 2$

$10 - 4 \dots 6$

$8 \dots 5 + 5$

$9 - 5 \dots 8$

Bài 3: >, <, =?

$7 \dots 4 + 3$

$10 - 7 \dots 6$

$10 \dots\dots 5 + 5$

$8 - 5 \dots\dots 3 + 4$

Bài 4: >, <, =?

$5 + 0 \dots\dots 4 + 2$

$10 - 4 \dots\dots 3 + 3$

$8 - 1 \dots\dots 5 + 5$

$9 - 2 \dots\dots 4 + 1$

Bài 5: Viết số thích hợp vào ô trống:

$4 + \square = 7$

$8 + \square = 10$

$3 + \square = 8$

$4 + \square = 9$

Bài 6: Viết số thích hợp vào ô trống:

$10 - \square = 2$

$6 + \square = 8$

$9 + \square = 10$

$8 - \square = 3$

Bài 7:Viết số thích hợp vào ô trống:

$6 - \square = 3$

$7 + \square = 10$

$10 - \square = 4$

$4 + \square = 9$

Bài 8:Viết số thích hợp vào ô trống:

$10 - \square = 5$

$4 + \square = 8$

$6 + \square = 6$

$5 - \square = 3$

II/ HÌNH HỌC

Mức 1: Nhận biết

Bài 1/.Hình vuông có:



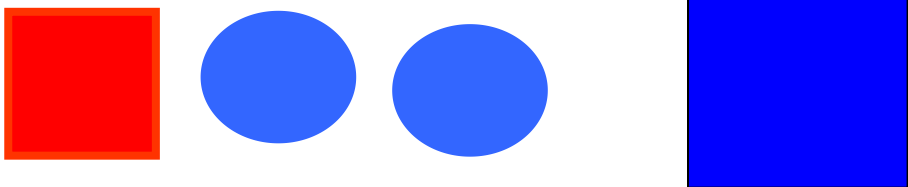
- a.1 **b.3** c. 4 d.2

Bài 2/. Hình tròn có:



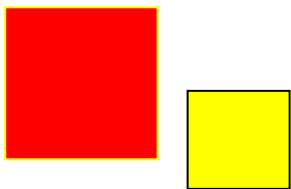
- a.1 b.3 c. 4 **d.2**

Bài 3/. Hình vuông có:



- a.1 **b.2** c. 3 d.4

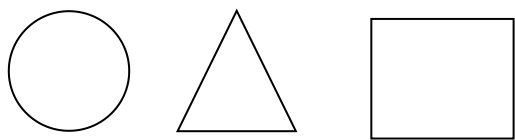
4/ Hình vuông có :



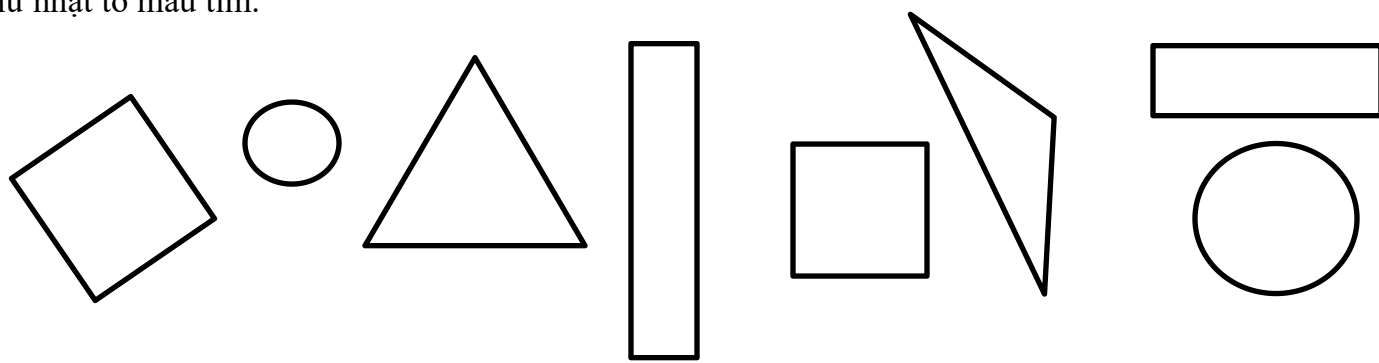
- a. 4 b .5 c. 3 d. 2

Mức 2: Thông hiểu

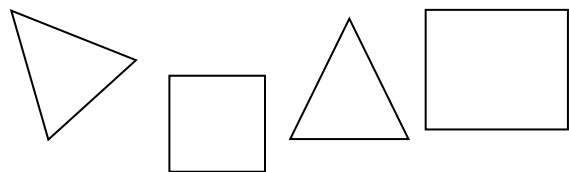
Bài 1/ Tô màu xanh vào hình tròn, đỏ vào hình tam giác, vàng vào hình vuông:



Bài 2: Tô màu: Hình vuông tô màu đỏ, hình tròn tô màu xanh, hình tam giác tô màu vàng, hình chữ nhật tô màu tím.



Bài 3: Nhìn hình vẽ điền số thích hợp:

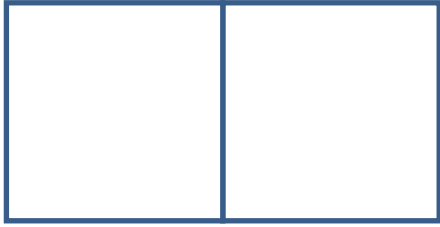


- Cóhình vuông .

- Có ...hình tam giác .

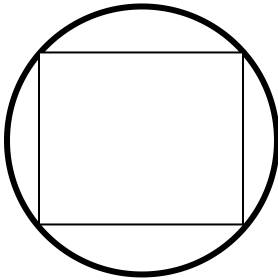
Bài 4/ Có ... hình vuông

Cóhình chữ nhật

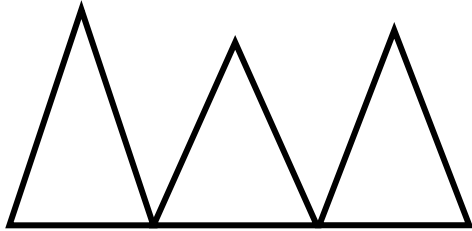


Bài 5/ Hình bên:

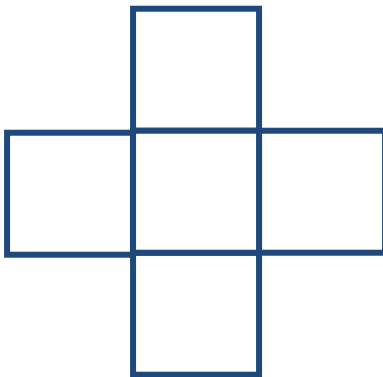
- Có hình vuông
- Có hình tròn



Bài 6/ Số hình tam giác là.....



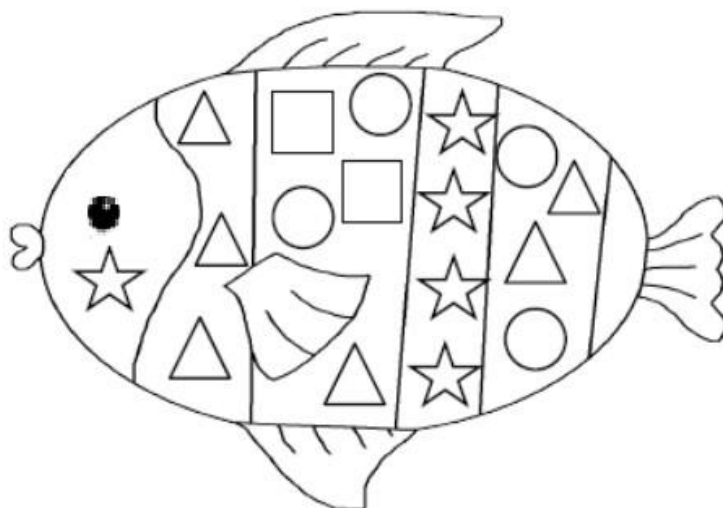
Bài 7/ Có ... hình vuông



Mức 3 : Vận dụng

Bài 1:Hình bên có:

- ☐ Hình vuông
- ☐ Hình tròn
- ☐ Hình tam giác
- ☐ Hình chữ nhật



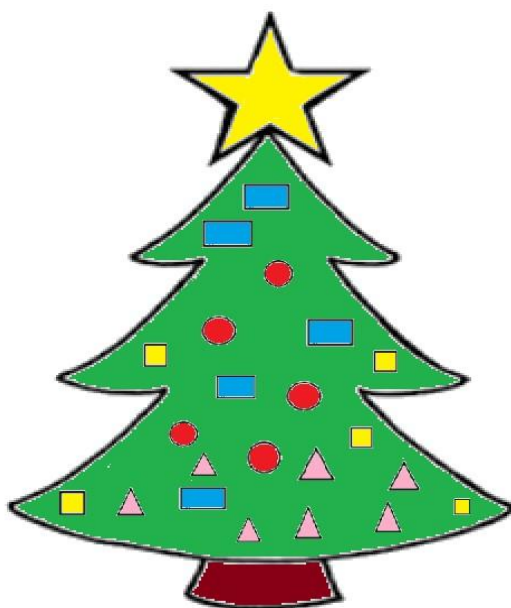
Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Bài 2: Hình bên có:
khối hình lập phương
khối hộp chữ nhật



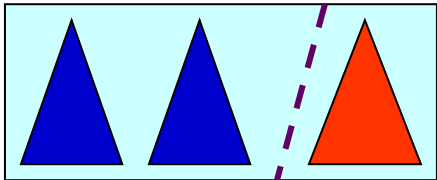
Bài 3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình bên có:
hình tròn.
hình chữ nhật.
hình vuông.
hình tam giác.



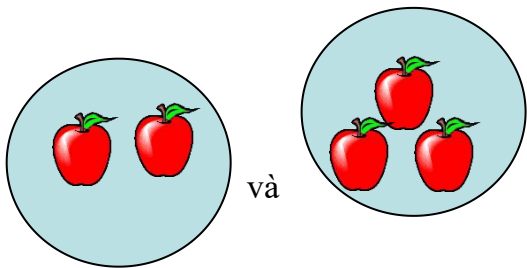
III/ TOÁN LỜI VĂN

Bài 1/ Nhìn hình vẽ viết phép tính:



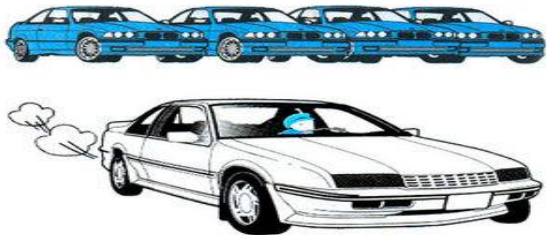
--	--	--	--	--

Bài 2/ Nhìn hình vẽ viết phép tính:



--	--	--	--	--

Bài 3/ Nhìn hình vẽ viết phép tính:



b)

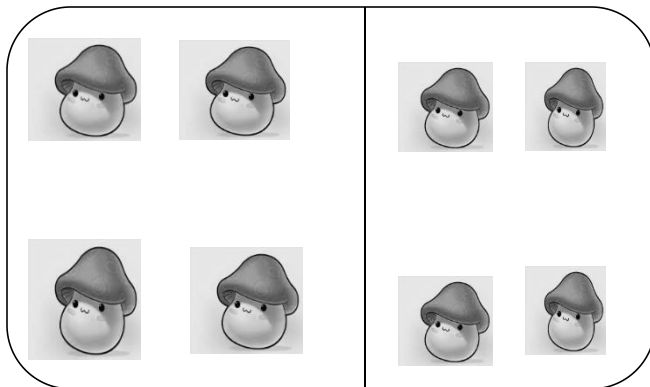
--	--	--	--	--

Bài 4/ Nhìn hình vẽ viết phép tính:



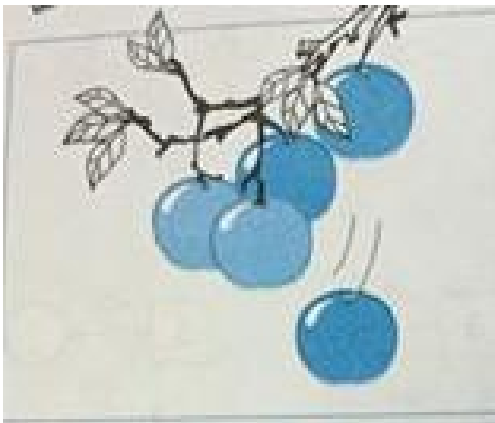
--	--	--	--	--

Bài 5/ Viết phép tính thích hợp:



--	--	--	--	--

Bài 6: Viết phép tính thích hợp



--	--	--	--	--

Bài 7: Viết phép tính thích hợp



--	--	--	--	--

?

Bài 8: Viết phép tính thích hợp



--	--	--	--	--

Bài 9: Viết phép tính thích hợp

